Mã số: 303

Ngày nhận: 27/08/2016
Ngày gửi phản biện lần 1: 13/9/2016
Ngày gửi phản biện lần 2:
Ngày hoàn thành biên tập: 26/9/2016

Ngày duyệt đăng: 27/9/2016

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG VỀ TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG THIỆT HẠI NGOÀI HỢP ĐỒNG TRONG BỘ LUẬT DÂN SỰ VIỆT NAM NĂM 2015

Nguyễn Hoàng Mỹ Linh[1]

Tóm tắt

Chế định trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng Việt Nam được quy định tại Chương XX trong Bộ luật Dân sự (BLDS) năm 2015 và vẫn được chia thành 3 mục, gồm: Quy định chung, Xác định thiệt hại và Bồi thường thiệt hại trong một số trường hợp cụ thể. Như vậy có thể thấy, ở cả hai đạo luật, các quy định về Trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng đều được kết cấu thành 2 nhóm đó là những quy định chung và những quy định cụ thể. Trong nội dung bài viết này, tác giả sẽ tập trung trình bày những điểm mới quan trọng về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng của BLDS 2015 so với BLDS 2005 đối với nhóm các quy định chung về vấn đề này.

Từ khóa: *trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, thiệt hại vật chất, thiệt hại tinh thần, hành vi gây thiệt hại*

Abstract

[1] ThS Trường Đại học Ngoại thương

Vietnamese tort law are stipulated in Chapter XX of the 2015 Civil Code which include 03 sections, namely: General provisions, Determination of damage and Compensation for damage in a number of specific cases. As it turns out, the structure of provisions remains the same under both the old Civil Code of 2005 and the new Civil Code of 2015 where it is divided into two groups of general and specific provisions. Within the limit of this article, the author focuses on analyzing important changes with regard to tort law under the 2015 Civil Code compared to the 2005 Civil Code.

Keywords*: tort law, material damage, mental damage, damage-causing behavior*

Với vai trò là đạo luật cơ sở nền tảng, giữ vai trò xương sống cho sự phát triển của một hệ thống pháp luật dân sự thống nhất, BLDS Việt Nam năm 2015 đã có nhiều thay đổi tích cực, đảm bảo tốt hơn quyền con người, quyền công dân trong lĩnh vực dân sự, phù hợp với thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội và tương thích hơn với các quy định của pháp luật dân sự nước ngoài. Một trong những điểm mới tích cực nhất của BLDS 2015 là phần các quy định về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. So với BLDS 2005, Bộ luật mới không có thay đổi về sự phân chia các nhóm quy định. Giống như BLDS 2005, những quy định chung về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng trong BLDS 2015 cũng bao gồm các quy định về căn cứ phát sinh trách nhiệm, nguyên tắc bồi thường, năng lực chịu trách nhiệm bồi thường, thời hiệu khởi kiện và cách xác định thiệt hại phát sinh. Tuy nhiên, nội dung của từng quy định này đã có một số điểm mới được sửa đổi, bổ sung, cụ thể như sau:

1. Về căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng

Theo những quy định của pháp luật dân sự cũ, trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng chỉ phát sinh khi có đủ bốn yếu tố, đó là: (1) có thiệt hại xảy ra; (2) hành vi gây thiệt hại phải là hành vi trái pháp luật; (3) có mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại xảy ra và hành vi trái pháp luật và (4) người gây thiệt hại phải có lỗi (lỗi có thể là lỗi vô ý

hoặc lỗi cố ý)[2]. Như vậy, theo quy định này, để có thể quy trách nhiệm cho người gây thiệt hại và đòi bồi thường, người gây thiệt hại phải có lỗi. Nếu người gây thiệt hại không có lỗi, họ sẽ không phải chịu trách nhiệm bồi thường và người bị thiệt hại sẽ không thể đòi được bất kỳ khoản bồi thường nào cho thiệt hại của mình từ hành vi trái pháp luật của người khác. Và yếu tố lỗi ở đây được xác định theo nguyên tắc suy đoán lỗi, tức là người bị thiệt hại không phải chứng minh rằng người gây thiệt hại có lỗi bởi hành vi gây thiệt hại là trái pháp luật nên người thực hiện hành vi đó bị suy đoán là có lỗi cho đến khi chính người này chứng minh được rằng mình không có lỗi. Tuy nhiên, Bộ luật Dân sự năm 2005 cũng đề cập đến ngoại lệ đó là hai trường hợp bồi thường thiệt hại ngay cả khi không có lỗi (bao gồm: bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ[3] và bồi thường thiệt hại do làm ô nhiễm môi trường[4]); các quy định về ngoại lệ này được xếp vào phần bồi thường thiệt hại trong các trường hợp cụ thể. Như vậy, theo quan điểm của Bộ luật Dân sự năm 2005, lỗi là một trong bốn điều kiện làm phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, nó có mối quan hệ mật thiết với các yếu tố khác để cấu thành một trách nhiệm dân sự như hành vi, hậu quả, mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả. Tuy nhiên, trải qua quá trình áp dụng các quy định pháp luật này vào đời sống dân sự, thực tiễn xét xử đã cho thấy yếu tố lỗi không phải là một căn cứ làm phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Bởi vì khi một thiệt hại xảy ra, người gây thiệt hại dù có lỗi cố ý hay có lỗi vô ý hay thậm chí là không có lỗi (như trong hai trường hợp ngoại lệ đã trình bày ở trên) thì khi gây thiệt hại cho người khác, người đó cũng phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi trái pháp luật của mình gây ra. Hay nói cách khác, không cần xét đến yếu tố lỗi, trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng của chủ thể vẫn sẽ phát sinh khi chủ thể đó có hành vi trái pháp luật và gây thiệt hại cho người khác bởi chính hành vi trái pháp luật đó. Việc xác định đến yếu tố lỗi và phân định trường hợp lỗi vô ý hay lỗi cố ý chỉ có giá trị trong việc xác định mức độ bồi thường thiệt hại, các trường hợp được xem xét giảm mức bồi thường hoặc được miễn trách nhiệm bồi thường

[2] Mục I, tiểu mục 1, Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án Nhân dân Tối cao số 03/2006/HĐTP-TANDTC ngày 08/07/2006 về Hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 về Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.
[3] Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2005
[4] Điều 624 Bộ luật Dân sự năm 2005

thiệt hại. Vậy nên, việc xem xét yếu tố lỗi là một trong những căn cứ làm phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại như Điều 604 Bộ luật Dân sự năm 2005 là chưa hợp lý.

Nhận thức được điểm hạn chế của quy định này, tại khoản 1 Điều 584 BLDS 2015, các nhà làm luật đã bỏ yếu tố "lỗi" trong căn cứ làm phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, theo đó: "*Người nào có hành vi xâm phạm tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản, quyền, lợi ích hợp pháp khác của người khác mà gây thiệt hại thì phải bồi thường, trừ trường hợp Bộ luật này, luật khác có liên quan quy định khác*". Như vậy, theo quy định này, người bị thiệt hại chỉ cần chứng minh được có thiệt hại xảy ra, người gây thiệt hại có hành vi vi phạm pháp luật và mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại và hành vi đó thì trách nhiệm bồi thường của người gây thiệt hại đã phát sinh.

Mặt khác, tại khoản 2 Điều 584 BLDS 2015 có quy định về các trường hợp miễn trách, đó là khi thiệt hại phát sinh trong trường hợp bất khả kháng hoặc lỗi hoàn toàn thuộc về bên bị thiệt hại. Trong đó, căn cứ miễn trách do bất khả kháng là quy định mới được bổ sung trong Bộ luật Dân sự 2015[5]; còn trường hợp miễn trách do lỗi hoàn toàn thuộc về bên bị thiệt hại cũng đã được đề cập đến trong đạo luật trước đây tại phần quy định về bồi thường thiệt hại trong những trường hợp cụ thể và hiện nay đã được chuyển lên phần quy định chung. Đây là một thay đổi thể hiện sự phù hợp với thực tế cũng như đảm bảo được tính logic của các quy định pháp luật. Tuy nhiên, quan điểm của tác giả cho rằng, nếu các quy định về căn cứ miễn trách trong trường hợp bất khả kháng và lỗi hoàn toàn thuộc về người bị thiệt hại đã được chuyển lên phần quy định chung thì để thống nhất, các quy định về miễn trách trong trường hợp phòng vệ chính đáng và tình thế cấp thiết cũng nên được quy định tại phần chung này[6].

Một điểm mới tích cực nữa được bổ sung trong phần căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng đó là quy định về trách nhiệm bồi thường của chủ sở

[5] BLDS 2005 chỉ quy định trường hợp người gây thiệt hại không phải bồi thường bao gồm phòng vệ chính đáng (Điều 613), tình thế cấp thiết (614) và lỗi hoàn toàn của người bị thiệt hại (Điều 617).
[6] Hiện nay những quy định về các trường hợp này đang được xếp vào Mục 3 – Bồi thường thiệt hại trong một số trường hợp cụ thể (Điều 594, Điều 595)

hữu khi tài sản của mình gây thiệt hại. BLDS 2005 trước đây cũng đã đề cập đến trường hợp tài sản gây thiệt hại, theo đó chủ sở hữu tài sản đó phải có trách nhiệm bồi thường, tuy nhiên những loại tài sản này được pháp luật liệt kê sẵn bao gồm: tài sản là nguồn nguy hiểm cao độ (Điều 623), súc vật (Điều 625), cây cối (Điều 626) và công trình xây dựng (Điều 627). Việc xác định sẵn những tài sản cụ thể này là tương đối rõ ràng và phù hợp với hoàn cảnh thực tế thời đó. Tuy nhiên, trải qua quá trình thực hiện và áp dụng, những quy định này dần thể hiện không còn "theo kịp" được các sự kiện phát sinh. Thực tế cho thấy ngoài những tài sản kể trên còn có rất nhiều vật khác có thể gây thiệt hại đến tính mạng, sức khỏe và tài sản của con người như "trường hợp cây có rễ phát triển mạnh làm hỏng đường, hỏng tường, hỏng sân của chủ thể liên kề hay cây có hoa tỏa mùi làm người bị ốm, cây có cành lan sang gây thiệt hại cho người liền kề"[7]. Để khắc phục được điều này, BLDS 2015 đã đưa quy định về tài sản gây thiệt hại và trách nhiệm bồi thường của chủ sở hữu vào phần quy định chung. "Tài sản" ở đây được hiểu là tất cả các loại tài sản nói chung và có khả năng gây thiệt hại cho con người. Tuy nhiên ở phần những quy định cụ thể, BLDS 2015 vẫn liệt kê một số loại tài sản cụ thể, thông thường có thể gây thiệt hại[8] trên cơ sở kế thừa các quy định của đạo luật cũ. Như vậy có thể hiểu rằng, trong trường hợp tài sản gây thiệt không thuộc loại tài sản đã được liệt kê tại phần những quy định cụ thể, việc quy trách nhiệm cho người gây thiệt hại sẽ được áp dụng theo quy định chung tại khoản 3 Điều 584 BLDS 2015.

2. Về nguyên tắc bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng

So với BLDS 2005, các quy định về nguyên tắc bồi thường trong đạo luật mới cũng không có nhiều thay đổi. Trên cơ sở kế thừa nguyên tắc của đạo luật cũ, khoản 1 Điều 585 BLDS 2015 vẫn khẳng định, nguyên tắc chung là bồi thường toàn bộ và kịp thời, tôn trọng sự thỏa thuận của các bên về mức bồi thường, hình thức và phương thức bồi thường.

[7] Đỗ Văn Đại, 2014, tr. 257.
[8] Điều 601, 603, 604, 605 BLDS 2015.

Bên cạnh đó, trong quy định về nguyên tắc bồi thường, cả hai đạo luật cũng đều đề cập đến các trường hợp có thể được giảm mức bồi thường và căn cứ để xem xét giảm mức bồi thường đó là yếu tố lỗi và khả năng kinh tế. Tuy nhiên có hai điểm mới tích cực được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 585 BLDS 2015, cụ thể như sau:

Một là, sửa chủ thể có thể được giảm mức bồi thường từ người gây thiệt hại thành người chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Trước hết, việc sửa đổi này là hợp lý vì trong nhiều trường hợp, người gây thiệt hại và người chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cùng là một người, nhưng cũng có trường hợp hai chủ thể này là khác nhau, ví dụ như trường hợp con chưa thành niên gây thiệt hại thì cha mẹ là người chịu trách nhiệm bồi thường, người mất năng lực hành vi dân sự gây thiệt hại thì người chịu trách nhiệm bồi thường là người giám hộ của họ, hay người của pháp nhân gây thiệt hại thì pháp nhân phải chịu trách nhiệm bồi thường… Trong những trường hợp kể trên, cha mẹ có con chưa thành niên, người giám hộ, pháp nhân… đều là những người phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại mà mình không trực tiếp gây ra. Vì vậy, việc họ được xem xét giảm mức bồi thường là hoàn toàn "hợp tình hợp lý". Mặt khác, việc sửa đổi từ người gây thiệt hại thành người phải chịu trách nhiệm bồi thường còn đảm bảo quy định về giảm mức bồi thường này còn có thể được áp dụng đối với cả những trường hợp thiệt hại xảy ra không phải do con người mà do tài sản (cây cối, công trình xây dựng, súc vật…) gây ra thì chủ sở hữu tài sản đó cũng được xem xét giảm mức bồi thường.

Hai là, bổ sung trường hợp người không có lỗi cũng được xem xét để giảm mức bồi thường là một quy định mới trong BLDS 2015[9]. Quy định mới này là hoàn toàn phù hợp với thực tiễn, thể hiện được tính "nhân đạo" và "có tình" của pháp luật. Nếu như người chịu trách nhiệm bồi thường được xem xét để giảm mức bồi thường do lỗi vô ý thì không có lý do gì để những người phải bồi thường thiệt hại trong khi mình không có lỗi (ví dụ trong trường hợp họ không phải người gây thiệt hại hoặc trong trường hợp tài sản gây thiệt hại) lại không được hưởng quyền này từ Nhà nước. Những người chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại mà không có lỗi cần được xem xét mức giảm nhiều hơn hoặc

[9] Khoản 2 Điều 605 Bộ luật Dân sự 2005 chỉ thừa nhận trường hợp người gây thiệt hại có lỗi vô ý thì mới được xem xét để giảm mức bồi thường.

chí ít cũng bằng mức giảm dành cho người có lỗi vô ý. Như vậy có thể thấy, yếu tố lỗi không được đề cập đến trong việc xác định căn cứ làm phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng nhưng lại là một yếu tố quan trọng để xem xét các trường hợp nào có thể giảm mức bồi thường và mức độ giảm là bao nhiêu cho phù hợp.

Trong quy định về nguyên tắc bồi thường thiệt hại, BLDS 2015 còn bổ sung hai nguyên tắc mới nữa đó là lỗi của bên bị thiệt hại[10] và nghĩa vụ ngăn chặn, hạn chế tổn thất của người bị thiệt hại[11]. Cụ thể, đối với nguyên tắc bên bị thiệt hại nếu có lỗi thì phải bồi thường phần thiệt hại do lỗi của mình gây ra, thực chất quy định về vấn đề này đã được đề cập trong đạo luật cũ nhưng ở phần quy định về bồi thường thiệt hại trong các trường hợp cụ thể[12]. Việc chuyển dịch này hoàn toàn hợp lý vì trong các trường hợp phát sinh thiệt hại (dù là thiệt hại do vi phạm hợp đồng hay thiệt hại ngoài hợp đồng) thì một trong những nguyên tắc khi thực hiện bồi thường là cần xem xét thiệt hại phát sinh đó có xuất phát từ lỗi (hoàn toàn hay một phần) của bên bị thiệt hại hay không. Nguyên tắc này được đề ra nhằm đảm bảo công bằng cho người chịu trách nhiệm bồi thường, đảm bảo cho họ không phải bồi thường những thiệt hại phát sinh do lỗi của chính bên bị thiệt hại. Còn đối với nguyên tắc yêu cầu người gây thiệt hại phải có nghĩa vụ ngăn chặn, hạn chế tổn thất, đây là một quy định mới, tiến bộ được bổ sung vào BLDS 2015. Nguyên tắc này đòi hỏi bên bị thiệt hại, trong khả năng và điều kiện của mình, cần có thái độ tích cực và thiện chí trong việc không để thiệt hại xảy ra trầm trọng hơn. Nếu không có hành động này, họ sẽ không được bồi thường. Quy định này không chỉ đảm bảo quyền lợi cho bên phải bồi thường mà còn bảo vệ quyền lợi cho chính người bị thiệt hai, đồng thời, hướng đến việc hạn chế những rủi ro có thể xảy ra cho những chủ thể khác, cho xã hội có thể phát sinh từ những thiệt hại này.

3. Về năng lực chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại của cá nhân

[10] Khoản 4 Điều 585 BLDS 2015
[11] Khoản 5 Điều 585 BLDS 2015
[12] Quy định tại Điều 617 BLDS 2005

Cả hai đạo luật đều có quan điểm chung về các mức tuổi của cá nhân tương ứng với mức độ chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại[13]. Theo đó, cá nhân tự bồi thường thiệt hại khi từ đủ 18 trở lên. Đối với trường hợp người dưới 18, cả hai đạo luật đều chia làm hai nhóm người và có quy định về năng lực chịu trách nhiệm bồi thường của từng nhóm là giống nhau, đó là nhóm người dưới 15 tuổi và nhóm người từ đủ 15 đến chưa đủ 18. Trong đó, người chưa thành niên dưới 15 tuổi gây thiệt hại mà còn cha, mẹ thì cha, mẹ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại; nếu tài sản của cha, mẹ không đủ để bồi thường mà con chưa thành niên gây thiệt hại có tài sản riêng thì lấy tài sản đó để bồi thường phần còn thiếu; Người từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi gây thiệt hại thì phải bồi thường bằng tài sản của mình; nếu không đủ tài sản để bồi thường thì cha, mẹ phải bồi thường phần còn thiếu bằng tài sản của mình[14]. Trong quy định này, BLDS 2015 chỉ có thay đổi về mặt từ ngữ đó là sửa cụm từ "người chưa thành niên dưới 15 tuổi" thành "người chưa đủ 15 tuổi". Việc sửa đổi này được tiến hành nhằm mục đích làm tinh gọn hơn các quy phạm pháp luật, tránh việc sử dụng câu chữ rườm rà, không cần thiết.

Mặt khác, BLDS 2015 còn bổ sung trường hợp người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi cũng thuộc nhóm cá nhân có năng lực chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Quan điểm về năng lực chịu trách nhiệm của nhóm người này được Nhà nước quy định giống như nhóm chủ thể bị mất năng lực hành vi dân sự, người chưa thành niên mà có người giám hộ. Sự bổ sung này xuất phát từ việc nhóm người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi là nhóm người lần đầu tiên được đề cập đến trong phần chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự, bên cạnh nhóm người mất năng lực và hạn chế năng lực hành vi dân sự. Vì vậy, việc quy định về năng lực chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại của nhóm người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi là hoàn toàn hợp lý, nhằm mục đích thống nhất các quy định trong đạo luật mới này.

4. Về trường hợp bồi thường thiệt hại do nhiều người gây ra

[13] Điều 606 Bộ luật Dân sư năm 2005 và Điều 586 BLDS 2015

[14] Điều 606 BLDS 2005

Thực chất quy định về bồi thường thiệt hại do nhiều người gây ra không phải lần đầu tiên được đề cập đến trong bộ luật dân sự. Cả hai đạo luật đều thống nhất quy định rằng những người cùng gây thiệt hại thì phải có trách nhiệm liên đới bồi thường, phần trách nhiệm được xác định dựa trên mức độ lỗi của mỗi người; và họ sẽ phải bồi thường theo phần bằng nhau nếu không xác định được mức độ lỗi. Tuy nhiên, ở BLDS 2005, quy định này được xếp vào nhóm các trường hợp bồi thường thiệt hại cụ thể[15]. Sở dĩ quy định về bồi thường thiệt hại do nhiều người gây ra được xếp vào nhóm các quy định cụ thể là do quan điểm của các nhà làm luật cho rằng trường hợp này là một trong số trường hợp cá biệt trong lĩnh vực bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, giống như những trường hợp bồi thường thiệt hại do phòng vệ chính đáng, tình thế cấp thiết hay do người đang thi hành công vụ gây ra… Nhưng thực tiễn xét xử cho thấy, việc xem xét vấn đề về số lượng chủ thể gây thiệt hại, từ đó xác định được nghĩa vụ bồi thường liên đới của các chủ thể này và mức độ bồi thường của từng chủ thể là vô cùng cần thiết và phải được tiến hành như là một nguyên tắc chung đối với tất cả các trường hợp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng nói chung, chứ không thể coi đây chỉ là một trường hợp đặc biệt trong bồi thường thiệt hại. Như vậy, sự thay đổi về vị trí của quy phạm pháp luật này, từ phần những quy định cụ thể lên phần những quy định chung trong BLDS 2015[16], là một sự tái kết cấu hợp lý, thể hiện được đúng bản chất là quy định chung trong vấn đề bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng của quy định này.

5. Về thời hiệu khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại

Thời hiệu yêu cầu bồi thường thiệt hại được hiểu là một khoảng thời hạn do pháp luật quy định mà khi kết thúc khoảng thời hạn đó thì chủ thể có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại sẽ mất quyền này, đồng nghĩa với việc chủ thể bị thiệt hại sẽ không có khả năng, thông qua phương thức khiếu kiện, đòi hỏi chủ thể gây thiệt hại phải bồi thường cho mình. Đối với vấn đề này, BLDS 2015 đã có sự thay đổi so với đạo luật cũ, theo hướng tăng thời hiệu khởi kiện từ mức 02 năm kể từ ngày quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, pháp nhân, chủ thể khác bị xâm phạm (theo Điều 607 BLDS 2005) lên mức

[15] Điều 616 BLDS 2005
[16] Điều 587 BLDS 2015

03 năm kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm (theo Điều 588 BLDS 2015). Việc tăng thời gian này nhằm mục đích bảo vệ quyền và lợi ích, mà cụ thể là quyền khởi kiện, của người bị thiệt hại. Theo quy định của đạo luật mới, các chủ thể bị thiệt hại sẽ có một khoảng thời gian dài hơn để thực hiện quyền này và khoảng thời gian này được áp dụng chung cho tất cả các trường hợp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Việc tăng thời gian cho thời hiệu chung về thời hiệu khởi kiện đòi bồi thường thiệt hại như vậy là một bước tiến quan trọng, thể hiện sự tiến bộ đáng kể của công tác lập pháp của Nhà nước. Tuy nhiên, so với nhiều quốc gia trên thế giới, quy định của pháp luật Việt Nam về vấn đề này còn chưa thực sự phù hợp, tương thích. Ở nhiều nước, bên cạnh quy định chung về thời hiệu khởi kiện thì còn có các quy định chuyên biệt cho một số lĩnh vực, ví dụ như lĩnh vực bồi thường thiệt hại do hành vi xâm phạm môi trường gây ra. Đây là lĩnh vực mà đa số các quốc gia có hệ thống pháp luật phát triển trên thế giới cho rằng: hành vi xâm phạm môi trường cần phải trải qua một khoảng thời gian kiểm chứng thì mới có thể xác định được chính xác những loại thiệt hại xảy ra, mức độ của thiệt hại cũng như các đối tượng phải gánh chịu những thiệt hại đó gồm những chủ thể nào… Và thực tế cũng đã chứng minh điều này, rất nhiều các quốc gia đã phải mất rất nhiều năm để xác định những thiệt hại xảy ra cho tài sản, tính mạng, sức khỏe và cả tinh thần của con người xuất phát từ những hành vi vi phạm môi trường. Một trong những ví dụ điển hình phải kể đến đó là căn bệnh Minatama ở Nhật Bản. Lần đầu tiên căn bệnh này được phát hiện tại Minamata thuộc tỉnh Kumamoto vào năm 1956. Nhưng phải đến hơn 10 năm sau, vào năm 1968, Chính phủ Nhật Bản mới chính thức tuyên bố, căn bệnh này do ông ty Chisso gây ra vì đã làm ô nhiễm môi trường[17]. Như vậy có thể thấy rằng, chắc chắn các quy định pháp luật về thời hiệu khởi kiện trong những trường hợp bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm môi trường không thể chỉ là một vài năm[18]. Mặc dù BLDS 2015 chưa có quy định về thời hiệu khởi kiện hợp lý cho những trường hợp đặc

[17]Nguồn:http://www.vysajp.org/news/b%E1%BB%87nh-minamata-di%E1%BB%81u-ng%C6%B0%E1%BB%9Di-nh%E1%BA%ADt-khong-th%E1%BB%83-nao-quen/, truy cập ngày 16/06/2016

[18] Chẳng hạn, ở Pháp, điều L.152-1 Bộ luật môi trường, quy định thời hiệu khởi kiện là 30 năm.

biệt trong lĩnh vực bồi thường thiệt hại do ô nhiễm môi trường nhưng để giải quyết vấn đề này khi xảy ra trong thực tiễn xét xử, các cơ quan tố tụng có thể vận dụng quy định về thời gian không tính vào thời hiệu khởi kiện tại Điều 156 BLDS 2015, theo đó, khoảng thời gian kiểm chứng để đưa ra kết luận chính xác những loại thiệt hại xảy ra, mức độ của thiệt hại cũng như các đối tượng phải gánh chịu những thiệt hại này có thể được xem là một trở ngại khách quan và sẽ không được tính vào thời hiệu khởi kiện. Tuy nhiên, cá nhân tác giả cho rằng vẫn cần phải có một quy định cụ thể về thời hiệu khởi kiện cho trường hợp này.

6. Về cách xác định thiệt hại phát sinh

Cả BLDS 2005 và 2015 đều có những quy định cụ thể về cách xác định thiệt hại phát sinh, theo đó, với các trường hợp dẫn đến thiệt hại khác nhau thì cách xác định thiệt hại cũng được quy định khác nhau. Cụ thể, thiệt hại có thể phát sinh bởi bốn trường hợp sau: do tài sản bị xâm phạm; do sức khỏe bị xâm phạm; do tính mạng bị xâm phạm và do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm.

Đối với trường hợp thiệt hại do tài sản bị xâm phạm, cả hai đạo luật đều thống nhất thiệt hại phát sinh chỉ có thể là thiệt hại vật chất, bao gồm: tài sản bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng, chi phí hợp lý để ngăn chặn, hạn chế, khắc phục thiệt hại…[19] Duy chỉ có thiệt hại là lợi ích gắn liền với việc sử dụng, khai thác tài sản thì Bộ luật năm 2015 có thêm cụm từ "bị mất, bị giảm sút". Việc thêm cụm từ này nhằm mục đích làm rõ rằng: khi tài sản bị xâm hại thì việc sử dụng, khai thác nó trên thực tế có thể sẽ bị hạn chế ít, nhiều; vì vậy, thiệt hại ở đây chính là những sự mất mát hoặc giảm sút những lợi ích cụ thể có được khi sử dụng, khai thác tài sản, chứ thiệt hại không phải là lợi ích gắn liền với việc sử dụng, khai thác tài sản như ngôn từ trong BLDS 2005 thể hiện. Đồng thời, đối với trường hợp tài sản bị xâm phạm, Bộ luật mới còn bổ sung thêm những thiệt hại khác do quy định pháp luật quy định thì cũng được bồi thường. Cũng giống như nhiều quy định khác trong pháp luật nói chung và luật dân sự nói riêng, quy định này nhằm mục đích

[19] Điều 608 BLDS 2005 và Điều 589 BLDS 2015

đảm bảo tính "dự phòng" cho quy phạm pháp luật này, những thiệt hại khác này có thể được quy định trong các luật chuyên ngành như luật sở hữu trí tuệ, luật thương mại…

Đối với trường hợp thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm, thiệt hại phát sinh gồm cả thiệt hại vật chất và tổn thất tinh thần. Ngoài những thiệt hại vật chất phát sinh đã được liệt kê tại luật cũ[20], BLDS 2015 chỉ bổ sung thêm trường hợp những thiệt hại vật chất khác theo quy định của pháp luật nhằm đảm bảo tính dự phòng như nhiều quy phạm khác đã thực hiện. Tuy nhiên, sự thay đổi lớn ở đây chính là ở quy định về người bồi thường và mức bồi thường đối với những tổn thất tinh thần phát sinh[21], cụ thể: Người bồi thường theo quy định tại BLDS 2005 là "người xâm phạm sức khỏe của người khác" còn theo quy định tại BLDS 2015 là "người chịu trách nhiệm bồi thường trong trường hợp sức khỏe của người khác bị xâm phạm"; đây là một thay đổi tích cực nhằm mở rộng đối tượng phải bồi thường, bao hàm được cả những trường hợp người xâm phạm không phải là người chịu trách nhiệm bồi thường (như cha mẹ bồi thường thay con chưa thành niên, pháp nhân chịu trách nhiệm bồi thường trong trường hợp người của pháp nhân gây thiệt hại…) hoặc trường hợp chẳng có ai là người xâm phạm mà nguyên nhân thiệt hại là do tài sản (cây cối, công trình xây dựng, vật nuôi…) thì chủ sở hữu tài sản phải chịu trách nhiệm bồi thường. Sự thay thế của cụm từ này còn tiếp tục được áp dụng đối với các trường hợp bồi thường thiệt hại do sức khỏe, tính mạng, danh dự, uy tín bị xâm phạm. Bên cạnh đó, mức bồi thường đối với thiệt hại tinh thần cũng được thay đổi theo hướng tăng lên để đảm bảo tính răn đe mạnh mẽ hơn của pháp luật đối với trường hợp này. Kế thừa quy định của Bộ luật cũ, mức bồi thường với những tổn thất về tinh thần vẫn được xây dựng trên cơ sở sự thỏa thuận của các bên, nhưng nếu không thỏa thuận được thì mức bồi thường tối đa không quá năm mươi lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định. Đơn vị tính được dùng ở đây là "mức lương cơ sở" chứ không phải là "tháng lương tối thiểu" như quy định của luật cũ (tại khoản 2 Điều 609 BLDS 2005). Mức lương cơ sở hiện nay được quy định tại Nghị quyết số 99/2015/QH13 của Quốc hội khóa 13 ngày 11/11/2015 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2016 là 1.210.000đ và được áp dụng từ ngày

[20] Khoản 1 Điều 609 BLDS 2005.
[21] Khoản 2 Điều 590 BLDS 2015.

01/05/2016. Trong trường hợp có nhiều người bị thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm thì mức bồi thường tổn thất về tinh thần này được quy định rõ là áp dụng cho một người có sức khỏe bị xâm phạm.

Đối với trường hợp thiệt hại do tính mạng bị xâm phạm, thiệt hại được bồi thường bao gồm cả thiệt hại vật chất và tổn thất tinh thần. Điểm tiến bộ của BLDS 2015, tại Điều 591, là có sự phân định rõ ràng giữa thiệt hại vật chất phát sinh trước khi chết và thiệt hại vật chất phát sinh sau khi chết. Bồi thường thiệt hại trước khi chết chính là những khoản bồi thường cho người chết, nhằm bù đắp những chi phí cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, chăm sóc họ. Và đạo luật mới cũng khẳng định luôn đó chính là những khoản bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm như đã liệt kê tại Điều 590 của Bộ luật này, chứ không chỉ quy định một cách chung chung như điểm a, khoản 1, Điều 610 là "chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, chăm sóc người bị thiệt hại trước khi chết". Còn, bồi thường thiệt hại sau khi chết chính là những khoản bồi thường cho người thân thích của người chết, gồm chi phí hợp lý cho việc mai táng, cấp dưỡng thay cho người chết và những thiệt hại khác theo luật định. Như vậy có thể thấy, về tư tưởng lập pháp, việc xác định trong thiệt hại do tính mạng bị xâm phạm có bao hàm cả những thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm trong thời gian người đó chưa chết thể hiện tính nhân văn của pháp luật. Tuy nhiên, xét về kỹ thuật lập pháp, việc "lắp nguyên" Điều 590 vào Điều 591 là chưa hợp lý bởi vì trong thực tế không phải tất cả các trường hợp người chết đều có khoảng thời gian thương tật, tổn hại sức khỏe trước đó và việc quy định theo hướng liệt kê các thiệt hại do tính mạng bị xâm phạm luôn gồm những thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm là không bao trùm được tất cả các tình huống xảy ra trong thực tế. Quan điểm của tác giả cho rằng việc đưa quy định tại Điều 590 vào điểm a khoản 1 Điều 591 là không cần thiết, làm rườm rà và phức tạp hơn quy định tại Điều 591; bởi vì với những trường hợp một người, do hành vi gây thiệt hại của người khác mà bị tổn hại sức khỏe, đã có một thời gian điều trị thương tật nhưng vẫn không qua khỏi, hậu quả là người đó chết thì thiệt hại phát sinh sẽ được xác định tương ứng với hai giai đoạn và với hai nguyên

nhân dẫn đến thiệt hại, bao gồm: thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm (giai đoạn trước khi chết và thiệt hại do tính mạng bị xâm phạm (giai đoạn sau khi chết).

Bên cạnh thiệt hại vật chất, tổn thất về tinh thần đối với trường hợp tính mạng bị xâm phạm cũng có thay đổi về mức bồi thường tối đa nếu các bên không thỏa thuận được là không vượt quá một trăm lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định và mức bồi thường này là cho một người có tính mạng bị xâm phạm. Cũng giống như quy định đối với trường hợp sức khỏe bị xâm phạm, mức bồi thường này có tăng thêm so với luật cũ[22]. Đồng thời, chủ thể phải bồi thường thiệt hại theo quy định của luật cũ là "người xâm phạm đến tính mạng", nay cũng được thay thế bằng "người chịu trách nhiệm bồi thường trong trường hợp tính mạng của người khác bị xâm phạm".

Đối với trường hợp thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm, trước hết, BLDS 2015 có sự sửa đổi, bổ sung theo hướng không liệt kê các loại chủ thể bị thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm. Cụ thể: Điều 611 BLDS 2005 xác định "thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân bị xâm phạm, thiệt hại do danh dự, uy tín của pháp nhân, chủ thể khác bị xâm phạm", tức là nêu rõ chủ thể bị thiệt hại là cá nhân, pháp nhân, chủ thể khác; còn Điều 592 BLDS 2015 lại không hề đề cập tới bất cứ chủ thể nào. Kết hợp với quy định về quyền được bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín tại Điều 33, BLDS 2015 đã khẳng định chỉ có cá nhân mới là chủ thể có danh dự, nhân phẩm và uy tín. Vì vậy có thể khẳng định rằng, BLDS 2015 thừa nhận chủ thể bị thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm chỉ có thể là cá nhân. Điều này thể hiện các quy phạm pháp luật trong BLDS 2015 về vấn đề này có tính thống nhất cao.

Đồng thời, cũng giống như việc liệt kê các thiệt hại do tài sản, sức khỏe, tính mạng bị xâm phạm ở trên, đạo luật mới cũng bổ sung thêm các thiệt hại khác do luật định trong phần xác định những thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm. Những thay

[22] Khoản 2 Điều 610 BLDS 2005 quy định mức bồi thường bù đắp tổn thất tinh thần tối đa là không quá sáu mươi tháng lương tối thiểu do Nhà nước quy định.

đổi về chủ thể chịu trách nhiệm bồi thường và mức bồi thường bù đắp tổn thất tinh thần cũng được thay đổi theo hướng tương thích với những quy định trong phần này[23].

7. Về thời hạn hưởng bồi thường thiệt hại do tính mạng, sức khỏe bị xâm phạm

Đối với trường hợp sức khỏe bị xâm phạm, điểm tiến bộ của BLDS 2015 so với BLDS 2005 cụ thể là: Trước hết, Bộ luật mới khẳng định quyền tự do thỏa thuận của hai bên về thời hạn mà người bị thiệt hại về sức khỏe mất hoàn toàn khả năng lao động được hưởng bồi thường. Quy định này là hoàn toàn phù hợp với tinh thần và những nguyên tắc chung của Bộ luật Dân sự[24]. Sau đó, trong trường hợp các bên không thỏa thuận được thì khoảng thời hạn này sẽ do pháp luật quy định. Ở đây, Bộ luật Dân sự đã bổ sung theo hướng quy định rõ thời điểm bắt đầu và thời điểm kết thúc, theo đó, người bị thiệt hại mất hoàn toàn khả năng lao động được hưởng bồi thường từ thời điểm mất hoàn toàn khả năng lao động cho đến khi chết[25]. Sự bổ sung này được đánh giá là điểm rất tiến bộ, đảm bảo sự rõ ràng và hợp lý của một quy phạm pháp luật về thời hạn; đồng thời, đây cũng là một căn cứ pháp lý giúp các bên hiểu rõ về quyền, nghĩa vụ của mình và giúp Tòa án có căn cứ để xác định chính xác thời hạn hưởng bồi thường, cũng như mức bồi thường phù hợp với từng khoảng thời gian nhất định.

Kết luận

Có thể thấy, chế định về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng là một trong những chế định quan trọng và có nhiều điểm sửa đổi, bổ sung nhất trong BLDS 2015. Trên cơ sở kế thừa những quy định của đạo luật cũ, Bộ luật năm 2015 đã có những điểm đổi mới tích cực theo hướng làm tinh gọn số lượng các điều luật, những câu chữ cũng được "gọt giũa" cho logic, nội dung các quy định được mở rộng theo hướng bổ sung thêm các căn cứ làm phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng,

[23] Khoản 2 Điều 592 BLDS 2015.
[24] Khoản 2 Điều 3 BLDS 2015 quy định: "Cá nhân, pháp nhân xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình trên cơ sở tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận. Mọi cam kết, thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội có hiệu lực thực hiện đối với các bên và phải được chủ thể khác tôn trọng".
[25] Điều 612 BLDS 2005 chỉ quy định thời điểm kết thúc quyền được hưởng bồi thường là khi người bị thiệt hại chết.

nguyên tắc bồi thường, mở rộng phạm vi xác định chủ thể chịu trách nhiệm bồi thường, tăng mức bồi thường thiệt hại tối đa đối với những tổn thất về tinh thần…

Tài liệu tham khảo

1. Đỗ Văn Đại, 2014, *Luật bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng Việt Nam - Bản án và bình luận bản án*, tập 2, Nxb Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

2. http://www.vysajp.org/news/b%E1%BB%87nh-minamata-di%E1%BB%81u-ng%C6%B0%E1%BB%9Di-nh%E1%BA%ADt-khong-th%E1%BB%83-nao-quen/ truy cập ngày 16/06/2016.